|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **\_\_\_\_\_\_\_** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: 176/TTr-CP |  | *Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2018* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Nghị quyết về Biểu thuế bảo vệ môi trường**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Ủy ban thường vụ Quốc hội

Ngày 28/2/2018, Chính phủ đã có Tờ trình số 43/TTr-CP trình Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH), trong đó đề nghị bổ sung dự án Nghị quyết về Biểu thuế bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là dự án Nghị quyết) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Chính phủ kính trình UBTVQH dự án Nghị quyết như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Ngày 15/11/2010, Quốc hội khóa XII tại kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật thuế bảo vệ môi trường (BVMT), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

Tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế BVMT quy định Biểu khung thuế của từng hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế. Đồng thời tại khoản 2 Điều 8 Luật thuế BVMT quy định:

*“2. Căn cứ vào Biểu khung thuế quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thuế cụ thể đối với từng loại hàng hoá chịu thuế bảo đảm**các nguyên tắc sau:*

*a) Mức thuế đối với hàng hoá chịu thuế phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ;*

*b) Mức thuế đối với hàng hoá chịu thuế được xác định theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hoá”.*

Căn cứ nguyên tắc điều chỉnh mức thuế BVMT tại Luật thuế BVMT, ngày 14/7/2011, UBTVQH ban hành Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 về Biểu thuế BVMT (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012), trong đó mức thuế cụ thể đối với các hàng hóa chịu thuế BVMT được quy định ở mức sàn trong khung thuế để tránh gây tác động lớn và đột ngột vào sản xuất kinh doanh; riêng dung dịch hydro-choloro-flouro-carbon (HCFC) và túi ni lông thuộc diện chịu thuế là những hàng hóa khi sử dụng có tác động lớn đến môi trường được quy định gần bằng mức trần trong khung thuế.

Ngày 10/3/2015, UBTVQH ban hành Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 về Biểu thuế BVMT (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2015), trong đó chỉ điều chỉnh một số mức thuế BVMT đối với mặt hàng xăng dầu (mức thuế BVMT đối với xăng, nhiên liệu bay là 3.000 đồng/lít; dầu diesel là 1.500 đồng/lít; dầu mazut, dầu nhờn là 900 đồng/lít; mỡ nhờn là 900 đồng/kg).

Triển khai thực hiện quy định về mức thuế BVMT tại các Nghị quyết của UBTVQH nêu trên đã đạt được những kết quả cơ bản như sau:

- Góp phần nâng cao trách nhiệm và nhận thức của xã hội đối với môi trường; khuyến khích sản xuất, tiêu dùng hàng hóa thân thiện với môi trường; qua đó đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững, khuyến khích phát triển kinh tế đi liền giảm ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo ứng phó kịp thời với diễn biến giá dầu trên thị trường thế giới; đảm bảo lợi ích quốc gia trong điều kiện hội nhập sâu khi thực hiện cắt giảm dần thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế.

- Động viên hợp lý đóng góp của xã hội vào ngân sách nhà nước (NSNN) để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có nhiệm vụ chi cho BVMT. Tổng số thu thuế BVMT giai đoạn 2012-2017 khoảng 150.810 tỷ đồng, bình quân khoảng 25.135 tỷ đồng/năm.

Trước bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và tình hình thực tế hiện nay, cần thiết phải nghiên cứu điều chỉnh mức thuế BVMT cụ thể của các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế BVMT đảm bảo nguyên tắc điều chỉnh mức thuế BVMT tại Luật thuế BVMT. Cụ thể như sau:

**1. Việc điều chỉnh mức thuế BVMT đối với các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế đảm bảo phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ**

a) Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách tài chính hướng tới phát triển bền vững và nhằm mục tiêu cơ cấu lại nguồn thu NSNN; đồng thời thực hiện mục tiêu cải cách thuế BVMT

Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững đã đề ra một trong các mục tiêu là: *“cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô”;* đồng thời đề ra một trong các giải pháp là: *“tập trung cơ cấu lại nguồn thu; hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng tỷ trọng thu nội địa, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường”.*

Tại Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020 đã đề ra một trong các mục tiêu là: *“tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế và cơ chế tài chính quốc gia; huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; từng bước cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước”;* đồng thời đề ra một trong các giải pháp là: *“thực hiện các giải pháp điều chỉnh chính sách thu theo hướng mở rộng cơ sở thuế, điều chỉnh phạm vi, đối tượng; rà soát, thu hẹp diện miễn, giảm thuế”.*

Tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020) đã đề ra mục tiêu cải cách tổng quát hệ thống thuế là: *“Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;…”*. Trong đó, nội dung tập trung cải cách chính sách thuế BVMT là: *“… điều chỉnh mức điều tiết nhằm góp phần hạn chế sử dụng những hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường sinh thái”*.

b) Đảm bảo lợi ích quốc gia trong điều kiện hội nhập sâu khi thực hiện cắt giảm dần thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế

- Việt Nam đã và đang tham gia 12 Hiệp định thương mại tự do FTA, trong đó 02 Hiệp định đã ký nhưng chưa có hiệu lực là Hiệp định ASEAN - Hồng Kông (Hiệp định AHKFTA) và Hiệp định Đối tác Tiến bộ và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP).

Việt Nam đang áp dụng mức thuế nhập khẩu tối huệ quốc (mức thuế nhập khẩu MFN) cho tất cả các nước thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Theo đó, Việt Nam cam kết quy định mức thuế nhập khẩu trần (tối đa) là 40% đối với xăng.

Theo cam kết tại Hiệp định thương mại tự do trong nội khối ASEAN (Hiệp định ATIGA) thì từ năm 2012 mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với mặt hàng xăng là 20%, dầu diesel là 5%, dầu hỏa là 7%, nhiên liệu bay là 10%, dầu mazut là 0% (các mặt hàng dầu về 0% từ năm 2016, trừ dầu mazut); tại Hiệp định thương mại Việt Nam - Hàn Quốc (Hiệp định VKFTA) thì từ năm 2016 mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với mặt hàng xăng là 10%, các mặt hàng dầu là 5% (hiện nay, các mặt hàng dầu đã về 0%). Mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với mặt hàng xăng dầu cam kết trong các Hiệp định dần về 0%.

Thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu đối với xăng dầu theo các Hiệp định thương mại tự do, theo tính toán trên cơ sở: (i) Sản lượng thực tế nhập khẩu từ các thị trường các năm 2015, 2016 và 2017; (ii) Giá tính thuế nhập khẩu xăng dầu lấy theo mức giá của tháng 3/2018; (iii) Áp dụng mức thuế nhập khẩu MFN 40% so với áp dụng mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định ATIGA 20% và Hiệp định VKFTA 10%, thì số thu thuế từ hoạt động nhập khẩu xăng dầu giảm từ 53 nghìn tỷ đồng năm 2015 xuống khoảng 13,4 nghìn tỷ đồng năm 2016 (giảm khoảng 39,6 nghìn tỷ đồng so với năm 2015); xuống khoảng 14,1 nghìn tỷ đồng năm 2017 (giảm khoảng 38,9 nghìn tỷ đồng so với năm 2015, số thu năm 2017 tăng nhẹ so với năm 2016 là do sản lượng nhập khẩu tăng); và sẽ giảm xuống khoảng 10,3 nghìn tỷ đồng năm 2018 (giảm khoảng 42,7 nghìn tỷ đồng so với năm 2015); số thu thuế từ hoạt động nhập khẩu xăng dầu sẽ tiếp tục giảm cho đến khi thuế nhập khẩu giảm về 0% (theo Hiệp định ATIGA, mức thuế đối với mặt hàng xăng về 0% vào năm 2024).

- Giá dầu thô trên thị trường thế giới phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức cung của các nhà sản xuất, sự thay đổi lượng cầu, chi phí đầu tư khai thác, sự biến động của đồng tiền thanh toán... nên thay đổi khó lường, bất thường. Giá dầu thế giới giảm sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế (làm giảm giá đầu vào của sản xuất, kinh doanh), từ đó tăng hiệu quả của doanh nghiệp và nền kinh tế. Tuy nhiên, giá dầu giảm sẽ làm giảm đáng kể nguồn thu NSNN trong ngắn hạn.

Trước bối cảnh phải cắt giảm thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) khuyến nghị các nước sử dụng thuế nội địa để thực hiện các phương án cắt, giảm thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế.

- [Giá](http://dinhgiadoclap.com/) bán lẻ xăng dầu ở Việt Nam cơ bản hiện đang thấp hơn so với các nước có chung đường biên giới và nhiều nước khác trong khu vực ASEAN và Châu Á. Theo bảng xếp hạng của trang web Global Petrol Prices vào ngày 02/3/2018, giá bán lẻ xăng của Việt Nam đứng vị trí 47 từ thấp đến cao trong tổng số 167 quốc gia (thấp hơn 120 nước) với mức giá là 19.980 đồng/lít, thấp hơn so với 3 nước có chung đường biên giới với Việt Nam (thấp hơn Lào là 5.556 đồng/lít, Campuchia là 3.745 đồng/lít, Trung Quốc là 1.468 đồng/lít); và thấp hơn một số quốc gia khác trong khu vực ASEAN, Châu Á (như thấp hơn Singapore là 17.394 đồng/lít, Philippines là 3.451 đồng/lít, Hồng Kông là 26.950 đồng/lít).

**2. Việc điều chỉnh mức thuế BVMT đối với các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế đảm bảo tiếp cận dần với mức độ gây ô nhiễm môi trường của các hàng hóa; đồng thời thực hiện cam kết của Việt Nam về BVMT; và đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan**

Hiện nay, Việt Nam đã tham gia và thực hiện nhiều cam kết quốc tế về BVMT như cam kết trong thực hiện*“Cơ chế phát triển sạch”* (CDM) trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải, quản lý chất thải... tại Nghị định thư Kyoto về kiểm soát khí thải nhà kính (có hiệu lực từ ngày 16/02/2005); cam kết tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu tại Paris và Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (có hiệu lực từ ngày 03/12/2016), trong đó Việt Nam cam kết giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 so với kịch bản phát triển thông thường; cam kết hoàn thành loại bỏ việc sản xuất các chất làm suy giảm tầng ô dôn, trong đó có dung dịch HCFC vào năm 2030 tại Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô dôn (Đây là một hiệp ước quốc tế được thiết kế để bảo vệ tầng ô dôn và Việt Nam là thành viên từ tháng 01/1994).

Theo các nghiên cứu cho thấy, các hàng hóa thuộc diện chịu thuế BVMT (như xăng, dầu, mỡ nhờn, than đá, dung dịch HCFC, túi ni lông thuộc diện chịu thuế) trong quá trình sử dụng gây tác động xấu đến môi trường và cũng theo tính toán của các nhà khoa học để trả lại môi trường thì mức thuế BVMT của các hàng hóa này phải cao hơn rất nhiều.

Qua đánh giá tình hình thực hiện cho thấy, mức thuế BVMT đối với một số hàng hóa đang ở mức thấp so với mức độ tác động đến môi trường khi sử dụng của các hàng hóa này; ngoài ra quy định về tên hoạt chất, tên thương phẩm một số hàng hóa tại Nghị quyết về Biểu thuế BVMT hiện hành chưa đồng bộ với pháp luật có liên quan, do đó cần được nghiên cứu, điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp, cụ thể:

a) Xăng, dầu, mỡ nhờn

Xăng, dầu, mỡ nhờn (sau đây gọi chung là xăng dầu) là sản phẩm có chứa nhiều chất gây ô nhiễm môi trường như chì, lưu huỳnh, benzen, hydrocacbon thơm, hydrocacbon nặng và một số phụ gia... Đây là những chất gây hại đến an toàn, sức khỏe và môi trường. Trong đó, tiếp xúc với chất benzen, lưu huỳnh trong một thời gian nhất định có thể tiềm ẩn nguy cơ ung thư. Do đó, cần thiết điều chỉnh nâng mức thuế BVMT đối với xăng dầu nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm và nhận thức của tổ chức, cá nhân đối với môi trường, khuyến khích sản xuất, sử dụng sản phẩm thay thế, thân thiện với môi trường (như xăng dầu sinh học)[[1]](#footnote-1).

b) Than đá

Than là một trong những sản phẩm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khi sử dụng. Quá trình đốt cháy than cho sản xuất tạo ra khí mêtan gây hiệu ứng nhà kính và các chất ô nhiễm độc hại khác (carbon dioxide, các hợp chất thủy ngân, lưu huỳnh dioxit, nitơ oxit). Theo kết quả nghiên cứu cho thấy[[2]](#footnote-2), xét về thành phần hóa học và mức độ tác động đến môi trường thì mức độ ô nhiễm môi trường của than đá cao hơn so với xăng dầu. Kể từ thời điểm Luật thuế BVMT có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2012) đến nay, mức thuế BVMT đối với nhóm than đá đều ở mức tối thiểu trong khung thuế. Do đó, cần điều chỉnh mức thuế BVMT đối với nhóm than đá để khuyến khích hơn nữa việc sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than và giảm ô nhiễm môi trường.

c) Dung dịch HCFC

Theo cam kết tại Nghị định thư Montreal thì Việt Nam cam kết hoàn thành loại bỏ việc sản xuất các chất làm suy giảm tầng ô dôn, trong đó có dung dịch HCFC vào năm 2030. Do đó, để góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam trong loại bỏ việc sản xuất và sử dụng HCFC đến năm 2030 thì cần thiết nghiên cứu điều chỉnh mức thuế BVMT đối với dung dịch HCFC.

d) Túi ni lông thuộc diện chịu thuế

Mức thuế BVMT đối với túi ni lông của Việt Nam là thấp nên chưa tác động nhiều tới hạn chế việc sản xuất, sử dụng túi ni lông.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều nước trên thế giới đang áp dụng mức thuế BVMT cao hoặc cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông. Cụ thể như: Anh: 15 cent/túi, tương đương 4.500 đồng/túi; Ailen: 15 cent/túi, tương đương 4.500 đồng/túi; Hồng Kông: 0,05 USD/túi, tương đương 1.050 đồng/túi; Estonia: đang dự kiến thu thuế đối với túi ni lông ở mức 2 kroons/túi, tương đương 3.000 đồng/túi. Một số nước khác còn cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông mỏng, ví dụ như Trung Quốc cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông có độ dày nhỏ hơn 0,025 mm.

Do đó, cùng với các biện pháp quản lý khác, để góp phần thực hiện mục tiêu giảm dần việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong tiêu dùng, phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết điều chỉnh mức thuế đối với túi ni lông thuộc diện chịu thuế.

e) Tên hoạt chất, tên thương phẩm của nhóm thuốc bảo vệ thực vật thuộc loại hạn chế sử dụng

Theo pháp luật về quản lý thuốc bảo vệ thực vật thì các loại thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ mối, thuốc bảo quản lâm sản, thuốc khử trùng kho)thuộc loại hạn chế sử dụng quy định tại Luật thuế BVMT được đưa vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam; đồng thời tên hoạt chất hoặc tên thương phẩm của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đã được sửa đổi hoặc bị loại khỏi Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi tên hoạt chất hoặc tên thương phẩm của các loại thuốc bảo vệ thực vật chịu thuế BVMT tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 cho phù hợp với pháp luật về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Như vậy, để phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách tài chính hướng tới phát triển bền vững và nhằm mục tiêu cơ cấu lại nguồn thu NSNN; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng; đảm bảo mức thuế BVMT tiếp cận dần với mức độ ô nhiễm của các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế; thực hiện cam kết của Việt Nam về BVMT; và đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan thì việc nghiên cứu, xây dựng dự án Nghị quyết về Biểu thuế BVMT để điều chỉnh mức thuế BVMT và sửa đổi quy định về tên hoạt chất hoặc tên thương phẩm của các loại thuốc bảo vệ thực vật chịu thuế tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Từ những nội dung nêu trên, mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết như sau:

**1. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về hoàn thiện chính sách tài chính về BVMT và cơ cấu một bước nguồn thu NSNN.**

**2. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân sử dụng tiết kiệm hàng hóa khi sử dụng gây tác hại đến môi trường; khuyến khích việc sử dụng các hàng hóa thân thiện với môi trường, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.**

**3. Khắc phục những hạn chế về mức thuế BVMT hiện hành của một số hàng hóa.**

**4. Phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo lợi ích quốc gia trong điều kiện hội nhập sâu khi thực hiện cắt giảm dần thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế; và thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về BVMT.**

**5. Động viên hợp lý đóng góp của xã hội vào NSNN để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có nhiệm vụ chi cho BVMT.**

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT**

Tại Thông báo kết luận Phiên họp thứ 14 của UBTVQH (Thông báo số 1135/TB-TTKQH ngày 26/9/2017 của Tổng thư ký Quốc hội) về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT đã nêu: *(i) Chính phủ hoàn thiện thêm dự án Luật để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5, tháng 5/2018; (ii) Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ trình UBTVQH xem xét, quyết định điều chỉnh mức thuế BVMT.*

Ngày 02/01/2018, Bộ Tài chính có Công văn số 12/BTC-CST báo cáo Thủ tướng Chính phủ về dự án Nghị quyết và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT; trong đó, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ cho phép: *(i) Xây dựng dự án Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội để điều chỉnh mức thuế BVMT đối với các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế trong khung thuế do Quốc hội quy định; (ii) Xin lùi thời hạn trình dự án Luật sang Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 của Quốc hội (trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp tháng 10/2019)*.

Ngày 11/01/2018, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 409/VPCP-KTTH (gửi Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp) thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ như sau: *“giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương trình Chính phủ:*

*1. Báo cáo Quốc hội xem xét, cho phép lùi thời hạn trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế BVMT sang Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 của Quốc hội (trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp tháng 10/2019).*

*2. Lập Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngay trong năm 2018 về Biểu thuế bảo vệ môi trường để điều chỉnh mức thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật thuế bảo vệ môi trường”.*

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại Công văn số 409/VPCP-KTTH nêu trên, để thuận lợi trong việc triển khai xây dựng dự án Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 17/01/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 653/BTC-CST gửi Bộ Tư pháp đề nghị cho ý kiến đối với việc xây dựng dự án Nghị quyết.

Ngày 25/01/2018, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 288/BTP-VĐCXDPL gửi Bộ Tài chính về nội dung này. Tại Công văn số 288/BTP-VĐCXDPL, Bộ Tư pháp cho rằng:

- *Bộ Tài chính không cần thiết phải thực hiện việc lập đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết do đây là Nghị quyết quy định cụ thể vấn đề về biểu mức thuế bảo vệ môi trường đã được Quốc hội giao tại Luật Thuế bảo vệ môi trường (Khoản 2 Điều 8 của Luật Thuế bảo vệ môi trường giao Ủy ban thường vụ Quốc hội căn cứ vào Biểu khung thuế quy định tại khoản 1 Điều này để quy định mức thuế cụ thể đối với từng loại hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường).*

*- Tuy nhiên, để có cơ sở trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc bổ sung dự thảo Nghị quyết này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tài chính chuẩn bị nội dung về sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh; những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết; các tác động cơ bản của dự thảo Nghị quyết về kinh tế, xã hội, hệ thống pháp luật về giới, thủ tục hành chính (nếu có) (kèm theo đề cương dự thảo Nghị quyết) gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ sung vào Chương trình.*

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp tại Công văn số 288/BTP-VĐCXDPL, ngày 01/2/2018, Bộ Tài chính có Tờ trình Chính phủ số 08/TTr-BTC về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết; trong đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định trình UBTVQH bổ sung dự án Nghị quyết vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018.

Ngày 13/02/2018, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1647/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ như sau: *“Bộ Tài chính lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương để tổng hợp, trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật thuế bảo vệ môi trường; phối hợp với Bộ Tư pháp trình Chính phủ đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ sung dự thảo Nghị quyết trên vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018”*.

Ngày 28/2/2018, Chính phủ đã có Tờ trình số 43/TTr-CP trình UBTVQH, trong đó đề nghị bổ sung dự án Nghị quyết vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018.

Để kịp xây dựng dự án Nghị quyết trình UBTVQH thông qua, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng dự án Nghị quyết. Dự án Nghị quyết đã được gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp; đồng thời, lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thông qua Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (Công văn số 2028/BTC-CST ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính). Đến nay, đã có 77 ý kiến tham gia về dự án Nghị quyết, trong đó 19 ý kiến tham gia của các Bộ, ngành; 43 ý kiến tham gia của các địa phương; 5 ý kiến tham gia của các hiệp hội, doanh nghiệp và tổ chức khác. Về cơ bản, các ý kiến đều nhất trí với sự cần thiết và nội dung của dự thảo Nghị quyết (47/77 ý kiến nhất trí hoàn toàn). Một số ý kiến về câu chữ, kỹ thuật soạn thảo đã được hoàn chỉnh tại hồ sơ dự án Nghị quyết. Các ý kiến khác đã được nghiên cứu giải trình, tiếp thu và hoàn chỉnh tại dự án Nghị quyết. Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia về dự án Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (Công văn số 3366/BTC-CST ngày 26/3/2018 của Bộ Tài chính).

Ngày 22/3/2018, Bộ Tài chính có Công văn số 3209/BTC-CST gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Ngày 6/4/2018, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 87/BC-BTP về dự án Nghị quyết. Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Ngày 11/4/2018, Bộ Tài chính có Tờ trình số 30/TTr-BTC trình Chính phủ về dự án Nghị quyết. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về dự án Nghị quyết (Công văn số 4904/BTC-CST ngày 27/4/2018). Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ trưởng Bộ Tài chính, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình UBTVQH về dự án Nghị quyết (Công văn số 4297/VPCP-KTTH ngày 10/5/2018).

**IV. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Về việc điều chỉnh mức thuế BVMT**

a) Đối với xăng dầu

Để nâng cao hơn nữa trách nhiệm và nhận thức của tổ chức, cá nhân đối với môi trường; góp phần hạn chế việc sử dụng sản phẩm nhiên liệu hóa thạch, gây ô nhiễm môi trường; khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, sử dụng sản phẩm thay thế, thân thiện với môi trường (như xăng dầu sinh học); đảm bảo lợi ích quốc gia trong điều kiện hội nhập sâu khi thực hiện cắt giảm dần thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế và giá dầu có biến động khó lường, đề nghị điều chỉnh mức thuế BVMT đối với xăng dầu như sau:

- Xăng: Khung mức thuế từ 1.000-4.000 đồng/lít. Mức thuế hiện hành là 3.000 đồng/lít. Đề nghị tăng từ 3.000 đồng/lít lên mức trần 4.000 đồng/lít, tăng 1.000 đồng/lít.

- Dầu diesel: Khung mức thuế từ 500-2.000 đồng/lít. Mức thuế hiện hành là 1.500 đồng/lít. Đề nghị tăng từ 1.500 đồng/lít lên mức trần 2.000 đồng/lít, tăng 500 đồng/lít.

- Dầu mazut, dầu nhờn: Khung mức thuế từ 300-2.000 đồng/lít. Mức thuế hiện hành là 900 đồng/lít. Đề nghị tăng từ 900 đồng/lít lên mức trần 2.000 đồng/lít, tăng 1.100 đồng/lít.

- Mỡ nhờn: Khung mức thuế từ 300-2.000 đồng/kg. Mức thuế hiện hành là 900 đồng/kg. Đề nghị tăng từ 900 đồng/kg lên mức trần 2.000 đồng/kg, 1.100 đồng/kg.

- Dầu hỏa: Khung mức thuế từ 300-2.000 đồng/lít. Mức thuế hiện hành là 300 đồng/lít. Đề nghị tăng từ 300 đồng/lít lên mức trần 2.000 đồng/lít, tăng 1.700 đồng/lít (hiện nay dầu hỏa chủ yếu được sử dụng cho các doanh nghiệp sản xuất với tổng sản lượng khoảng 4.500-5.000 m3/tháng; dầu hỏa được sử dụng gần như không đáng kể tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa vì mạng lưới điện ngày càng phủ kín đến các địa bàn này).

- Nhiên liệu bay: đề nghị giữ như hiện hành vì mức thuế của nhiên liệu bay đang ở mức trần trong khung mức thuế.

Theo tính toán trên cơ sở: (i) Số lượng xăng dầu thu thuế BVMT năm 2017; (ii) Mức thuế BVMT đối với xăng dầu theo phương án đề xuất điều chỉnh nêu trên, thì số thu thuế BVMT dự kiến đối với xăng dầu là khoảng 55.096,0 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 14.368,0 tỷ đồng/năm.

b) Đối với than đá

Khung và mức thuế BVMT hiện hành đối với than đá như sau:

- Than antraxit: Khung mức thuế từ 20.000-50.000 đồng/tấn. Mức thuế hiện hành là 20.000 đồng/tấn (mức sàn trong khung mức thuế).

- Than nâu, than mỡ, than đá khác: Khung mức thuế từ 10.000-30.000 đồng/tấn. Mức thuế hiện hành là 10.000 đồng/tấn (mức sàn trong khung mức thuế).

Than là sản phẩm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khi sử dụng. Tuy nhiên, than là đầu vào của nhiều ngành sản xuất, trong đó có điện. Do đó, để đảm bảo các nguyên tắc quy định mức thuế BVMT tại Luật thuế BVMT, khuyến khích hơn nữa việc sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than, khuyến khích sử dụng nhiên liệu thay thế, có ảnh hưởng ít hơn đến môi trường, đồng thời không ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của ngành than cũng như giá điện, đề nghị điều chỉnh mức thuế BVMT đối với than như sau:

- Than antraxit: Đề nghị tăng từ 20.000 đồng/tấn lên 30.000 đồng/tấn, tăng 10.000 đồng/tấn.

- Than nâu, than mỡ, than đá khác: Đề nghị tăng từ 10.000 đồng/tấn lên 15.000 đồng/tấn, tăng 5.000 đồng/tấn.

Theo tính toán trên cơ sở: (i) Số lượng than đá thu thuế BVMT năm 2017; (ii) Mức thuế BVMT đối với than đá theo phương án đề xuất điều chỉnh nêu trên, thì số thu thuế BVMT dự kiến đối với than đá là khoảng 2.385,0 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 795,0 tỷ đồng/năm.

c) Đối với dung dịch HCFC, bao gồm cả dung dịch HCFC có trong hỗn hợp chứa dung dịch HCFC

Khung mức thuế từ 1.000-5.000 đồng/kg. Mức thuế hiện hành là 4.000 đồng/kg.

Việc áp dụng mức thuế BVMT cao đối với dung dịch HCFC sẽ là một trong những giải pháp góp phần giảm dần sử dụng dung dịch HCFC. Do đó, để hạn chế việc sử dụng dung dịch HCFC, khuyến khích nhanh chóng loại trừ hoàn toàn việc sử dụng dung dịch HCFC vào năm 2030 theo Nghị định thư Montreal, đề nghị tăng mức thuế BVMT đối với dung dịch HCFC từ 4.000 đồng/kg lên mức trần 5.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg.

Theo tính toán trên cơ sở: (i) Số lượng dung dịch HCFC thu thuế BVMT năm 2017; (ii) Mức thuế BVMT đối với dung dịch HCFC theo phương án đề xuất điều chỉnh nêu trên, thì số thu thuế BVMT dự kiến đối với dung dịch HCFC là khoảng 63,5 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 12,7 tỷ đồng/năm.

d) Đối với túi ni lông thuộc diện chịu thuế

Khung mức thuế từ 30.000-50.000 đồng/kg. Mức thuế hiện hành là 40.000 đồng/kg.

Cùng với các biện pháp quản lý khác, để góp phần thực hiện mục tiêu giảm dần việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong tiêu dùng, phù hợp với thông lệ quốc tế, khuyến khích sử dụng túi ni lông thân thiện với môi trường, đề nghị tăng mức thuế BVMT đối với túi ni lông thuộc diện chịu thuế từ 40.000 đồng/kg lên mức trần 50.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg.

Theo tính toán trên cơ sở: (i) Số lượng túi ni lông thu thuế BVMT năm 2017; (ii) Mức thuế BVMT đối với túi ni lông theo phương án đề xuất điều chỉnh nêu trên, thì số thu thuế BVMT dự kiến đối với túi ni lông thuộc diện chịu thuế là khoảng 67,5 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 13,5 tỷ đồng/năm.

Cụ thể việc đề xuất điều chỉnh mức thuế BVMT như sau:

| **TT** | **Hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Khung mức thuế** | **Mức thuế hiện hành** | **Mức thuế dự kiến tăng lên** | **Mức tăng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **(đồng/đơn vị hàng hóa)** | | | |
| **I** | **Xăng, dầu, mỡ nhờn** |  |  |  |  |  |
| 1 | Xăng, trừ etanol | lít | 1.000-4.000 | 3.000 | ***4.000*** | *1.000* |
| 2 | Nhiên liệu bay | lít | 1.000-3.000 | 3.000 | 3.000 | 0 |
| 3 | Dầu diesel | lít | 500-2.000 | 1.500 | ***2.000*** | *500* |
| 4 | Dầu hỏa | lít | 300-2.000 | 300 | ***2.000*** | *1.700* |
| 5 | Dầu mazut | lít | 300-2.000 | 900 | ***2.000*** | *1.100* |
| 6 | Dầu nhờn | lít | 300-2.000 | 900 | ***2.000*** | *1.100* |
| 7 | Mỡ nhờn | kg | 300-2.000 | 900 | ***2.000*** | *1.100* |
| **II** | **Than đá** |  |  |  |  |  |
| 1 | Than nâu | Tấn | 10.000-30.000 | 10.000 | ***15.000*** | *5.000* |
| 2 | Than antraxit | Tấn | 20.000-50.000 | 20.000 | ***30.000*** | *10.000* |
| 3 | Than mỡ | Tấn | 10.000-30.000 | 10.000 | ***15.000*** | *5.000* |
| 4 | Than đá khác | Tấn | 10.000-30.000 | 10.000 | ***15.000*** | *5.000* |
| **III** | **Dung dịch Hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC), *bao gồm cả dung dịch HCFC có trong hỗn hợp chứa dung dịch HCFC*** | kg | 1.000-5.000 | 4.000 | ***5.000*** | *1.000* |
| **VI** | **Túi ni lông thuộc diện chịu thuế** | kg | 30.000-50.000 | 40.000 | ***50.000*** | *10.000* |

Việc điều chỉnh tăng mức thuế BVMT đối với các loại hàng hóa theo đề xuất nêu trên là đảm bảo trong khung thuế BVMT và phù hợp với các nguyên tắc quy định mức thuế BVMT tại Luật thuế BVMT.

Với phương án điều chỉnh mức thuế BVMT nêu trên và dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2018 thì việc điều chỉnh mức thuế BVMT sẽ tác động đến chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 7/2018 (so với tháng 6/2018) là khoảng 0,27-0,29% và sẽ tác động đến CPI bình quân năm 2018 là khoảng 0,11-0,15% (theo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 thì chỉ tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân ở mức 4%). Tuy nhiên, việc tăng thuế BVMT sẽ khuyến khích sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả; góp phần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng hàng hóa thân thiện với môi trường (như xăng E5, xăng E10, dầu diesel B5, dầu diesel B10, túi ni lông thân thiện với môi trường). Từ đó, sẽ giảm phát thải ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển kinh tế bền vững, phát triển kinh tế đi liền giảm ô nhiễm môi trường và thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về BVMT.

Với phương án đề xuất điều chỉnh nêu trên thì tổng số thu thuế BVMT dự kiến là khoảng 57.612,0 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 15.189,2 tỷ đồng/năm. Từ đó sẽ góp phần tạo thêm nguồn thu để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, trong đó có các nhiệm vụ chi cho BVMT.

**2. Về việc sửa đổi tên hoạt chất, tên thương phẩm các loại thuốc bảo vệ thực vật thuộc loại hạn chế sử dụng tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12**

Do tên hoạt chất hoặc tên thương phẩm của một số loại thuốc bảo vệ thực vật (thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng, thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng và thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 đã được sửa đổi hoặc bị loại khỏi Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuốc bảo vệ thực vật, do đó, đề nghị sửa đổi một số tên hoạt chất hoặc tên thương phẩm của các loại thuốc bảo vệ thực vật tại Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết như sau:

| **Stt** | **Tên hoạt chất - nguyên liệu** | **Tên thương phẩm** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng** | |
| 1 | Na2SiF6 50% + HBO3 10% + CuSO4 30% | PMC 90 ~~bột~~ **DP** |
| 2 | Na2SiF6 80 % + ZnCl2 20% | PMs 100 ~~bột~~ **CP** |
| **II** | **Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng** | |
| ~~1~~ | ~~Methylene bis Thiocyanate 5% + Quaternary ammonium compounds 25%~~ | ~~Celbrite MT 30EC~~ |
| ~~2~~ | ~~Methylene bis thiocyanate 10% + 2- (thiocyanomethylthio) benzothiazole 10%~~ | ~~Celbrite TC 20L~~ |
| ~~3~~ | ~~Sodium Tetraborate decahydrate 54 % + Boric acid 36 %~~ | ~~Celbor 90 SP~~ |
| 1~~4~~ | CuSO4 50 % + K2Cr2O7 50 % | XM5 100 bột |
| 2~~5~~ | ZnSO4 .7H2O 60% + NaF 30% + phụ gia10% | LN 5 90 bột |
| **III** | **Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng** | |
| 1 | Aluminium Phosphide | Alumifos 56% Tablet |
| Celphos 56 % tablets |
| ~~Gastoxin 56.8 GE~~ |
| Fumitoxin 55 % tablets |
| Phostoxin 56% viên tròn, viên dẹt |
| Quickphos 56 % |
| 2 | Magnesium phosphide | Magtoxin  66 tablets, pellet |
| 3 | Methyl Bromide | Bromine - Gas 98%, 100% |
| Dowfome 98 % |

**3. Hiệu lực thi hành**

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị hiệu lực thi hành của Nghị quyết là 45 ngày kể từ ngày ký.

**V. HÌNH THỨC VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Do việc điều chỉnh áp dụng đối với hầu hết các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế BVMT, do đó đề nghị hình thức Nghị quyết là Nghị quyết thay thế các Nghị quyết của UBTVQH về Biểu thuế BVMT (Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 và Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13).

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều:

- Điều 1: Biểu thuế BVMT.

- Điều 2: Hiệu lực thi hành.

**VI. NỘI DUNG KHÁC XIN Ý KIẾN**

Trong thời gian qua đã phát sinh một số vướng mắc về thuế BVMT đối với mặt hàng than cốc, dầu tái sinh, Chính phủ xin báo cáo như sau:

**1. Vướng mắc đối với than cốc**

Theo Luật thuế BVMT hiện hành thì than mỡ thuộc đối tượng chịu thuế BVMT và không quy định than cốc thuộc đối tượng chịu thuế BVMT; Thuế BVMT chỉ phải nộp một lần (từ khi sản xuất hoặc nhập khẩu đến khi sử dụng sản phẩm), vì vậy trường hợp sản phẩm đã được kê khai, nộp thuế BVMT thì không phải kê khai, nộp thuế BVMT tại các khâu mua bán, sử dụng sau đó. Than cốc là sản phẩm được tinh luyện từ than mỡ (than mỡ đã thu thuế BVMT).

*Ý kiến của các Bộ về thuế BVMT đối với than cốc như sau:*

- Bộ Tư pháp: Tại Luật thuế BVMT quy định “than đá khác” thuộc đối tượng chịu thuế nhằm quy định đối tượng khác chưa được liệt kê cụ thể nhưng bản chất của hàng hóa này khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường. Đề nghị lấy thêm ý kiến cơ quan chuyên môn.

- Bộ Công Thương: Than cốc không phải là than đá mà là sản phẩm thu được của quá trình luyện cốc từ than đá. Theo Luật thuế BVMT thì mặt hàng than cốc không thuộc đối tượng chịu thuế. Đề nghị nghiên cứu về tác động đến môi trường của mặt hàng than cốc để có căn cứ xác định đối tượng chịu thuế và mức thuế trong quá trình sửa đổi Luật thuế BVMT.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Than cốc là sản phẩm của quá trình tinh luyện than mỡ (than bitum hay than đá) ở điều kiện nhiệt độ cao, loại bỏ gần như hoàn toàn nước, khí than và tro than. Than cốc có ít tro và lưu huỳnh hơn so với than đá. Theo quy định tại Luật thuế BVMT, than đá là đối tượng chịu thuế BVMT, tuy nhiên than cốc là sản phẩm của quá trình luyện than đá nên không thuộc đối tượng chịu thuế BVMT.

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Than cốc là sản phẩm của quá trình tinh luyện than mỡ ở điều kiện nhiệt độ cao. Việc sử dụng than cốc gây tác động xấu đến môi trường như các loại than đá khác. Tuy nhiên, Luật thuế BVMT hiện hành không quy định rõ than cốc là đối tượng chịu thuế BVMT. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định về việc than cốc là đối tượng chịu thuế BVMT và mức thuế phù hợp khi sửa đổi Luật thuế BVMT.

Như vậy, trong 03 ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành thì có 02 ý kiến (Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường) cho rằng than cốc không thuộc đối tượng chịu thuế BVMT; 01 ý kiến (Bộ Khoa học và Công nghệ) đề nghị bổ sung mặt hàng than cốc vào đối tượng chịu thuế BVMT khi sửa đổi Luật thuế BVMT hiện hành.

- Bộ Tài chính: Căn cứ pháp luật về thuế BVMT hiện hành; Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ quản lý chuyên ngành nêu trên, Bộ Tài chính đề nghị: (i) Không thu thuế BVMT đối với than cốc; (ii) Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường của việc sử dụng than cốc để đề xuất bổ sung vào đối tượng chịu thuế trong quá trình hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT.

**2. Vướng mắc đối với dầu tái sinh**

Luật thuế BVMT quy định: Xăng dầu gốc hóa thạch thuộc đối tượng chịu thuế BVMT, gồm: Xăng, trừ etanol; nhiên liệu bay; dầu diesel; dầu hỏa; dầu mazut; dầu nhờn; mỡ nhờn; và không có tên sản phẩm dầu tái sinh; Thuế BVMT chỉ phải nộp một lần (từ khi sản xuất hoặc nhập khẩu đến khi sử dụng sản phẩm).

Dầu tái sinh là sản phẩm thu được do thu gom, xử lý chất thải nguy hại (là các loại xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch khi sử dụng, thải bỏ trong quá trình bảo dưỡng phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, lốp xe, bình ắc quy,...). Dầu tái sinh được sử dụng chủ yếu là phụ gia đốt lò, không sử dụng trong chạy máy.

*Ý kiến của các Bộ về thuế BVMT đối với dầu tái sinh như sau:*

- Bộ Công Thương: Căncứ pháp luật thuế BVMT hiện hành thì có thể xem xét sản phẩm dầu tái sinh là đối tượng chịu thuế BVMT trên khía cạnh là một sản phẩm dầu có nguồn gốc hóa thạch, mới được sản xuất ra và sử dụng làm nhiên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, nguyên liệu để sản xuất tái chế ra sản phẩm dầu tái sinh là các loại xăng dầu gốc hóa thạch đã chịu thuế BVMT, do đó việc kê khai, nộp thuế BVMT đối với sản phẩm dầu tái sinh cần được cân nhắc, hướng dẫn cụ thể. Trường hợp tính thuế BVMT đối với sản phẩm dầu tái sinh, phải xác định rõ sản phẩm dầu tái sinh thuộc loại xăng dầu nào quy định tại Luật thuế BVMT.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Pháp luật về thuế BVMT hiện hành quy định các loại xăng dầu gốc hóa thạch thuộc đối tượng phải chịu thuế. Đồng thời, quy định thuế BVMT chỉ nộp một lần đối với hàng hóa sản xuất hoặc nhập khẩu. Vì vậy, sản phẩm dầu tái sinh là sản phẩm của quá trình tái chế dầu, mỡ nhờn đã qua sử dụng không được quy định là đối tượng chịu thuế BVMT.

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Hiện nay, sản phẩm dầu tái sinh chưa có trong danh mục xăng dầu gốc hóa thạch thuộc đối tượng chịu thuế BVMT, chưa có Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) cho sản phẩm dầu tái sinh, do đó đề nghị xem xét quy định thuế BVMT theo hai trường hợp sau:

+ Nếu dầu tái sinh là sản phẩm thu được do thu gom, xử lý chất thải nguy hại nguồn dầu thải phát sinh trong nước đáp ứng các tiêu chí theo TCVN hiện hành đối với mặt hàng xăng dầu thì nên khuyến khích, không phải chịu thuế BVMT.

+ Trường hợp dầu tái sinh là sản phẩm thu được do thu gom, xử lý nguồn dầu thải nhập khẩu thì cần hạn chế và phải chịu thuế BVMT.

Như vậy, căn cứ pháp luật về thuế BVMT hiện hành: Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường thì sản phẩm dầu tái sinh không được quy định là đối tượng chịu thuế BVMT. Theo Bộ Công Thương thì không có tên sản phẩm dầu tái sinh thuộc đối tượng chịu thuế BVMT. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ thì sản phẩm dầu tái sinh không phải chịu thuế BVMT (đối với dầu tái sinh thu gom từ nguồn dầu thải phát sinh trong nước đáp ứng TCVN hiện hành).

- Bộ Tài chính: Căn cứ pháp luật về thuế BVMT hiện hành; Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ quản lý chuyên ngành nêu trên, Bộ Tài chính đề nghị: Sản phẩm dầu tái sinh không thuộc diện chịu thuế BVMT theo Luật thuế BVMT hiện hành.

**3. Kiến nghị**

Từ báo cáo nêu trên, Chính phủ trình UBTVQH xem xét, quyết định: (i) Than cốc, dầu tái sinh không thuộc đối tượng chịu thuế BVMT theo Luật thuế BVMT; (ii) Số tiền thuế BVMT đã nộp đối với than cốc, dầu tái sinh (nếu có) kể từ thời điểm Luật thuế BVMT có hiệu lực thi hành được xác định là số tiền thuế nộp thừa và thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; (iii) Giao Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn (hoặc giao Bộ Tài chính hướng dẫn) nội dung tại điểm (i) và (ii) nêu trên.

Khi sửa đổi, bổ sung Luật thuế BVMT, Chính phủ sẽ đánh giá toàn diện và kiến nghị cụ thể việc bổ sung các hàng hóa khi sử dụng, thải bỏ gây ô nhiễm môi trường vào đối tượng chịu thuế, trong đó có việc xem xét, nghiên cứu đối với than cốc và dầu tái sinh.

Trên đây là những nội dung của dự án Nghị quyết về Biểu thuế BVMT. Chính phủ xin kính trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

*(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo đánh giá tác động dự án Nghị quyết; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của UBTVQH về Biểu thuế BVMT; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự án Nghị quyết; Bản chụp ý kiến góp ý về dự án Nghị quyết).*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng, các Phó TTg Chính phủ;  - Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;  - Ủy ban TC-NS của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Công thương, TNMT, GTVT, NN&PTNT, KHĐT;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP,  các Vụ: TH, PL, QHĐP, CN, NN;  - Lưu: VT, KTTH (3b). |  | **TM. CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**  **(Đã ký)** Đinh Tiến Dũng |

1. Theo một nghiên cứu khoa học (do Tiến sỹ Huỳnh Thế Du - Giám đốc đào tạo Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright cung cấp tại buổi Tọa đàm lấy ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT do UBTVQH tổ chức): Nếu tính toán dựa trên mô hình ngoại tác tiêu cực và tính phi hiệu quả (với chi phí ngoại tác tiêu cực đối với xăng được lấy theo đánh giá của một tổ chức uy tín của Mỹ) thì mức thuế BVMT đối với xăng của Việt Nam cần phải điều chỉnh ở mức từ 10.000-20.000 đồng/lít. [↑](#footnote-ref-1)
2. PGS, TS Lê Thu Hoa - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội (bài trình bày tham luận tại Hội thảo lấy ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế BVMT do Ủy ban Tài chính Ngân sách Quốc hội tổ chức tháng 9/2017). [↑](#footnote-ref-2)